

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
MÔN LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Mục đích

Tài liệu này nhằm hỗ trợ cho học viên hình thức giáo dục từ xa nắm vững nội dung ôn tập và làm bài kiểm tra hết môn hiệu quả.

Tài liệu này cần được sử dụng cùng với tài liệu học tập của môn học và bài giảng của giảng viên ôn tập tập trung theo chương trình đào tạo.

Nội dung hướng dẫn

Nội dung tài liệu này bao gồm các nội dung sau:

Phần 1: Các nội dung trọng tâm của môn học. Bao gồm các nội dung trọng tâm của môn học được xác định dựa trên mục tiêu học tập, nghĩa là các kiến thức hoặc kỹ năng cốt lõi mà người học cần có được khi hoàn thành môn học.

Phần 2: Cách thức ôn tập. Mô tả cách thức để hệ thống hóa kiến thức và luyện tập kỹ năng để đạt được những nội dung trọng tâm.

Phần 3: Hướng dẫn làm bài kiểm tra. Mô tả hình thức kiểm tra và đề thi, hướng dẫn cách làm bài và trình bày bài làm và lưu ý về những sai sót thường gặp, hoặc những nỗ lực có thể được đánh giá cao trong bài làm.

Phần 4: Đề thi mẫu và đáp án. Cung cấp một đề thi mẫu và đáp án, có tính chất minh họa nhằm giúp học viên hình dung yêu cầu kiểm tra và cách thức làm bài thi.

PHẦN 1. CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Chương 1. Khái niệm chung về Tố tụng Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự

- Khái niệm tố tụng hình sự và thủ tục tố tụng hình sự
- Giai đoạn tố tụng hình sự
- Khái niệm và nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự
- Quan hệ pháp luật tố tụng hình sự
- Nguồn của luật tố tụng hình sự

Chương 2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng Hình sự

- Khái niệm, ý nghĩa, phân loại nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng Hình sự
- Các nguyên tắc cụ thể của Luật Tố tụng Hình sự

Chương 3. Chủ thể của Quan hệ Pháp luật Tố tụng Hình sự

- Cơ quan tiến hành tố tụng
- Người tiến hành tố tụng
- Người tham gia tố tụng

Chương 4. Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự

- Định nghĩa chứng cứ, thuộc tính của chứng cứ
- Phân loại chứng cứ
- Nguồn chứng cứ
- Đối tượng chứng minh, giới hạn chứng minh
- Chủ thể chứng minh
- Quá trình chứng minh

Chương 5. Những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự

- Khái niệm, căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn
- Các biện pháp ngăn chặn cụ thể: bắt người, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo sự có mặt

Chương 6. Khởi tố vụ án hình sự

- Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của khởi tố vụ án hình sự

- Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự
- Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại
- Cơ sở và căn cứ khởi tố vụ án hình sự
- Trình tự khởi tố vụ án hình sự
- Quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án HS

Chương 7. Điều tra vụ án hình sự

- Khái niệm, nhiệm vụ của điều tra vụ án hình sự
- Thẩm quyền điều tra vụ án hình sự
- Nhiệm vụ và quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát điều tra
- Các loại thời hạn trong giai đoạn điều tra
- Tranh chấp thẩm quyền điều tra, chuyên vụ án
- Nhập hoặc tách vụ án hình sự để điều tra, ủy thác điều tra
- Sự tham dự của người chứng kiến, giữ bí mật điều tra
- Các biện pháp điều tra
- Tạm đình chỉ điều tra và kết thúc điều tra

Chương 8. Quyết định truy tố

- Khái niệm, ý nghĩa của truy tố
- Những hoạt động và những quyết định tố tụng của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố

Chương 9. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của xét xử sơ thẩm vụ án hình sự
- Thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự
- Chuẩn bị xét xử
- Những quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm
- Trình tự xét xử tại phiên tòa sơ thẩm

Chương 10. Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự

- Khái niệm, nhiệm vụ ý nghĩa của xét xử phúc thẩm vụ án hình sự

- Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự
- Thủ tục phúc thẩm
- Quyền hạn của tòa án cấp phúc thẩm
- Phúc thẩm quyết định sơ thẩm

Chương 11. Xét lại bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án

- Thủ tục giám đốc thẩm: Tính chất giám đốc thẩm; kháng nghị giám đốc thẩm; xét xử giám đốc thẩm
- Thủ tục tái thẩm: Tính chất tái thẩm; kháng nghị tái thẩm; xét xử tái thẩm

Chương 12. Thủ tục tố tụng đặc biệt

- Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội
- Thủ tục rút gọn

PHẦN 2. CÁCH THỨC ÔN TẬP

Chương 1. Khái niệm chung về Tố tụng Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự

* **Khái niệm tố tụng hình sự và thủ tục tố tụng hình sự** (trang 5 đến trang 7) Cần nắm rõ các khái niệm: Tố tụng hình sự, thủ tục tố tụng hình sự và phân biệt hoạt động tố tụng hình sự và hoạt động nghiệp vụ của cơ quan điều tra

* **Giai đoạn tố tụng hình sự** (trang 23 đến 26)

- Khái niệm giai đoạn tiến hành tố tụng
- Các tiêu chí xác định giai đoạn tiến hành tố tụng: Có chủ thể tiến hành riêng, nhiệm vụ, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng riêng, thời hạn xác định
- Các giai đoạn tiến hành tố tụng cụ thể: Giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm. giai đoạn xét xử đặc biệt

* **Khái niệm và nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự** (giáo trình trang 26→31).

- Khái niệm luật tố tụng hình sự
- Nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự:(xem điều 1 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
 - + Nhiệm vụ bảo vệ chế độ Xã hội Chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức
 - + Nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm

- + Giáo dục mọi người nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật
- Đối tượng điều chỉnh của luật tố tụng hình sự
- Phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự

*** Quan hệ pháp luật tố tụng hình sự** (giáo trình trang 31→33).

- Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự
- Thành phần của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự: Chủ thể, khách thể và nội dung của quan hệ pháp luật Tố tụng Hình sự

*** Nguồn của luật tố tụng hình sự**

Nguồn của luật Tố tụng Hình sựVN hiện hành bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật chứa đựng các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Gồm các văn bản sau:

- Hiến pháp (quy định các quyền cơ bản của công dân, các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự, quy định về Viện kiểm sát, tòa án)
- Bộ luật tố tụng hình sự Việt nam (năm 2003)
- Luật tổ chức Viện Kiểm sát, Luật Tổ chức TA, Luật Thi hành án hình sự 2009
- Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự, Pháp lệnh Tổ chức Viện Kiểm sát quân sự, Pháp lệnh Tổ chức TA quân sự
- Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán, Quyết định, chỉ thị, thông tư của viện trưởng Viện Kiểm sát...

Chương 2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng Hình sự

- * Khái niệm, ý nghĩa, (giáo trình trang 50)
- * Phân loại nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng Hình sự (giáo trình trang 51, 52)

Phân loại theo các tiêu chí phân loại:

- Căn cứ vào tính chất của nguyên tắc
- Căn cứ vào phạm vi tác động
- Căn cứ vào giá trị pháp lý của nguyên tắc

- * Các nguyên tắc cụ thể của Luật Tố tụng Hình sự

Phân tích để hiểu được nội dung, yêu cầu của từng nguyên tắc cụ thể sau:

- Nguyên tắc đảm bảo pháp chế Xã hội Chủ nghĩa (điều 3 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Nguyên tắc đảm bảo mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật (điều 5 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo (điều 11 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án (điều 10 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật (điều 16 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Nguyên tắc không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của tòa án có hiệu lực pháp luật (điều 9 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Nguyên tắc đảm bảo quyền bình đẳng trước tòa án (điều 19 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Nguyên tắc thực hiện chế độ xét xử có hội thẩm tham gia(điều 15 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Nguyên tắc tòa xét xử tập thể và quyết định theo đa số(điều 17 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Nguyên tắc xét xử công khai (điều 18 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

Chương 3. Chủ thể của Quan hệ Pháp luật Tố tụng Hình sự

* Cơ quan tiến hành tố tụng: Gồm có cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

Mỗi loại cơ quan cần nắm bắt những nội dung sau đây: Về mặt tổ chức; nguyên tắc hoạt động; nhiệm vụ, quyền hạn. Cụ thể:

- *Cơ quan điều tra*: Về mặt tổ chức (xem giáo trình trang 84 đến 86; Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự 2004). Về nguyên tắc hoạt động (Giáo trình trang 86; Điều 5 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự 2004). Về nhiệm vụ (điều 3 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự 2004). Về quyền hạn (xem giáo trình trang 87,88; Các điều 100, 105, 126, 160, 164 và chương 7 và 5 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Viện kiểm sát*: Về cơ cấu tổ chức(giáo trình trang 88,89; Luật Tổ chức Viện Kiểm sát 2002). Về nguyên tắc hoạt động (Giáo trình trang 89). Về nhiệm vụ (Giáo trình trang 90; điều 2 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát 2002). Về chức năng (giáo trình trang 90). Về quyền hạn (xem giáo trình trang 91 đến 93; Các điều 13, 14, 17,18, 19 Luật Tổ chức Viện Kiểm sát 2002)

- Tòa án: Về cơ cấu tổ chức; nguyên tắc hoạt động; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn(giáo trình trang 93 đến 95; Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2002)

* Người tiến hành tố tụng

- *Điều tra viên* (xem giáo trình trang 96, 97, 98; Điều 29 Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự 2004, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Hình sự), lưu ý các nội dung về: Các cấp bậc điều tra viên và điều kiện bổ nhiệm (sơ cấp, trung cấp, cao cấp); nhiệm vụ quyền hạn

- *Thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra* (xem giáo trình trang 98,99; Điều 34 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Lưu ý nhiệm vụ quyền hạn của thủ trưởng cơ quan điều tra với tư cách là người đứng đầu cơ quan và với tư cách là người tiến hành tố tụng

- *Kiểm sát viên* (xem giáo trình trang 100 đến 102; Pháp lệnh kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân 2002; Điều 37 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Viện trưởng, phó viện trưởng Viện Kiểm sát* (xem giáo trình trang 103 đến 105; Pháp lệnh kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân 2002; Điều 36 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Lưu ý nhiệm vụ quyền hạn của viện trưởng với tư cách là người đứng đầu cơ quan và với tư cách là người thực hành quyền công tố và kiểm sát tư pháp trong tố tụng HS

- *Thẩm phán:* (xem giáo trình trang 105 đến 108; Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân 2002; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Lưu ý quyền hạn và trách nhiệm chung của thẩm phán theo quy định tại K1 Đ 39 Bộ luật Tố tụng Hình sự và quyền hạn, trách nhiệm của thẩm phán khi được phân công chủ tọa phiên tòa

- *Chánh án, phó chánh án* (xem giáo trình trang 108, 109; Điều 38 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Lưu ý nhiệm vụ quyền hạn của chánh án với tư cách là người đứng đầu tòa án và với tư cách là người tiến hành giải quyết vụ án HS

- *Hội thẩm* (xem giáo trình trang 110, 111; Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân 2002) Nhiệm vụ quyền hạn quy định tại Điều 40 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- *Thư ký tòa án* (xem giáo trình trang 111; Nghị quyết 03/2004/NQ-HĐTP ngày 2/10/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 41 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Vấn đề thay đổi người tiến hành tố tụng* (xem giáo trình trang 112 đến 115; Các Điều 42,43,44,45,46,47 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 03/2004/NQ-HĐTP ngày 2/10/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao). Lưu ý 3 nội dung sau:

+ Căn cứ từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng: Điều 42 Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định căn cứ chung thay đổi người THPT. Ngoài những căn cứ này người THPT sẽ bị

thay đổi nếu trước đó đã tiến hành tố tụng với vai trò người THPT trong vụ án (xem Điều 44,45,46,47 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

+ Quyền đề nghị thay đổi người THPT (xem Điều 43 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

+ Thẩm quyền thay đổi người THPT

* Người tham gia tố tụng (Tài liệu trang 116 đến 140; Chương 4 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- Người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch

- Xác định đúng tư cách của từng người, quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự

Chương 4. Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự

* Định nghĩa chứng cứ, thuộc tính của chứng cứ (Tài liệu trang 144 đến 147)

- Định nghĩa chứng cứ được quy định tại Điều 64 Bộ luật Tố tụng Hình sự

- Thuộc tính của chứng cứ (xem K1,Đ 66 Bộ luật Tố tụng Hình sự): Tính khách quan (tính xác thực), tính liên quan, tính hợp pháp

* Phân loại chứng cứ (Tài liệu trang 148 đến 153). Lưu ý các nội dung sau:

- Khái niệm phân loại chứng cứ; việc phân loại chứng cứ được dựa vào những tiêu chí khác nhau. Dựa trên những tiêu chí khác nhau, chứng cứ được phân thành những loại khác nhau. Hiểu rõ nội dung cũng như ý nghĩa của từng loại chứng cứ

* Nguồn chứng cứ (Tài liệu trang 153 đến 162). Lưu ý các nội dung sau:

- Khái niệm nguồn chứng cứ; phân biệt được nguồn chứng cứ và chứng cứ.

- Theo quy định tại K2, Điều 64 Bộ luật Tố tụng Hình sự nguồn chứng cứ bao gồm: vật chứng, lời khai, kết luận giám định, biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu, đồ vật khác

+ Vật chứng (Xem Điều 74 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Lưu ý các nội dung: vật chứng là gì, vấn đề thu thập và bảo quản vật chứng, xử lý vật chứng

+ Lời khai: Lời khai của người làm chứng(xem Điều 67); của người bị hại(Điều 68); lời khai của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan

đến vụ án(Điều 69, 70); Lời khai của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo (Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

+ Kết luận giám định. Lưu ý các nội dung: Các trường hợp bắt buộc phải giám định (được quy định tại k3, Điều 155 và Điểm b khoản 2 Điều 75 Bộ luật Tố tụng Hình sự); Kết luận giám định (Điều 73); nội dung của kết luận giám định(Điều 157); quyền của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng đối với kết luận giám định(Điều 158); vấn đề giám định bổ sung hoặc giám định lại(Điều 159)

+ Biên bản về hoạt động điều tra, xét xử và các tài liệu đồ vật khác. Để được coi là chứng cứ thì biên bản hoạt động tố tụng phải được thực hiện một cách khách quan, theo đúng hình thức, thủ tục được quy định tại các Điều 95, Điều 125, Điều 200 Bộ luật Tố tụng Hình sự

* Đối tượng chứng minh, giới hạn chứng minh(Tài liệu trang 163 đến 168).

- Khái niệm đối tượng chứng minh; đối tượng chứng minh cụ thể trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 63, Điều 302 Bộ luật Tố tụng Hình sự

- Phân loại đối tượng chứng minh. Căn cứ vào ý nghĩa pháp lý hình sự của các đối tượng cần chứng minh trong việc giải quyết vụ án HS, đối tượng chứng minh có thể phân loại thành các nhóm sau: Nhóm các đối tượng chứng minh có ý nghĩa định tội; có ý nghĩa quyết định hình phạt; có ý nghĩa trong việc giải quyết các vấn đề khác của vụ án

- Giới hạn chứng minh: Khái niệm giới hạn chứng minh và ý nghĩa của giới hạn chứng minh trong việc giải quyết vụ án HS

* Chủ thể chứng minh (Tài liệu trang 169 đến 172; Điều 10 Bộ luật Tố tụng Hình sự).

- Chủ thể có nghĩa vụ chứng minh; nội dung và cách thức chứng minh trong các giai đoạn tiến hành tố tụng

- Chủ thể có quyền chứng minh

* Quá trình chứng minh (Tài liệu trang 173 đến 172)

- Khái niệm quá trình chứng minh

- Các giai đoạn của quá trình chứng minh: Thu thập chứng cứ (Điều 65); kiểm tra chứng cứ; đánh giá chứng cứ (Điều 66)

Chương 5. Những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự

* Khái niệm, căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn (Tài liệu trang 182 đến 189; Điều 79 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

* Các biện pháp ngăn chặn cụ thể (Tài liệu trang 189 đến 220)

- Bắt người: Có 3 trường hợp bắt người: bắt bị can bị cáo để tạm giam(Điều 80); bắt người trong trường hợp khẩn cấp(Điều 81); bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang hoặc bị truy nã(Điều 82). Từng trường hợp bắt người cần hiểu rõ các vấn đề sau: đối tượng bị bắt, căn cứ bắt, thẩm quyền bắt, thủ tục bắt

- Tạm giữ (Điều 86), tạm giam (Điều 88) Mỗi biện pháp cần nắm các nội dung sau: Đối tượng bị áp dụng, thẩm quyền áp dụng, thủ tục áp dụng, thời hạn tạm giữ, tạm giam

- Cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 91), Bảo lãnh (Điều 92), Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để đảm bảo (Điều 93) Mỗi biện pháp cần nắm các nội dung sau: Đối tượng bị áp dụng, thẩm quyền áp dụng, thủ tục áp dụng

Chương 6. Khởi tố vụ án hình sự (VAHS)

* Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của khởi tố vụ án hình sự (giáo trình trang 224 đến 226)

- *Khái niệm*: Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn đầu của tố tụng hình sự, trong đó cơ quan có thẩm quyền xác định có hay không có dấu hiệu của tội phạm để ra quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án

- *Nhiệm vụ*: Trong giai đoạn này cơ quan có thẩm quyền có nhiệm vụ: Tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm; xác minh tin báo, tố giác về tội phạm; ra quyết định khởi tố hay không khởi tố vụ án

- *Ý nghĩa*: Lưu ý các ý nghĩa sau: Khởi tố VAHS là giai đoạn mở đầu của tố tụng hình sự; Khởi tố VAHS là giai đoạn làm phát sinh các hoạt động tố tụng tiếp theo; khởi tố VAHS góp phần đảm bảo quyền tự do dân chủ của công dân

* Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự (xem giáo trình trang 227 đến 230)

- *Thẩm quyền khởi tố VAHS của cơ quan điều tra*, gồm: Thẩm quyền của cơ quan cảnh sát điều tra; cơ quan an ninh điều tra; thẩm quyền của cơ quan điều tra hình sự trong quân đội; của cơ quan an ninh điều tra trong quân đội; cơ quan điều tra của Viện kiểm sát Tối cao

- *Thẩm quyền khởi tố VAHS của Viện Kiểm sát, của Tòa án* (xem giáo trình trang 228, 229 Khoản1, Điều 104 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Thẩm quyền khởi tố VAHS của Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển và các cơ quan khác của công an, quân đội nhân dân* (xem giáo trình trang 229, 230)

* Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại (xem giáo trình trang 231 đến 233; Điều 105 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Lưu ý các nội dung: Tội danh ở các điều khoản nào của Bộ luật Hình sự khởi tố theo yêu cầu của người bị hại; trường hợp người bị hại rút yêu cầu khởi tố

* Cơ sở và căn cứ khởi tố vụ án hình sự (xem giáo trình trang 233 đến 238; Điều 100 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Cơ sở khởi tố VAHS* là những nguồn tin mà dựa vào đó cơ quan có thẩm quyền khởi tố xác định dấu hiệu của tội phạm để ra quyết định khởi tố. Điều 100 Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định có năm cơ sở khởi tố VAHS

- *Căn cứ khởi tố VAHS* là hành vi có dấu hiệu của tội phạm đã được xác định

* Trình tự khởi tố vụ án hình sự (xem giáo trình trang 239 đến 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.* Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định hai loại cơ quan có trách nhiệm: cơ quan chuyên trách (cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, tòa án); các cơ quan không chuyên trách

- *Kiểm tra, xác minh tin tức về tội phạm* (xem Điều 103 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Lưu ý về thời hạn kiểm tra, các biện pháp kiểm tra, xác minh

- *Quyết định khởi tố hoặc không khởi tố:* Khi xác định có dấu hiệu của tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố VAHS (xem Khoản 2, 3 Điều 104 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Khi có một trong những căn cứ quy định tại Điều 107 Bộ luật Tố tụng Hình sự thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định không khởi tố VAHS (xem Điều 107, Điều 108 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

* Quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án HS (xem giáo trình trang 248, 249; Điều 109 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

Chương 7. Điều tra vụ án hình sự

* Khái niệm, nhiệm vụ của điều tra vụ án hình sự (xem giáo trình trang 252, 253)

* Thẩm quyền điều tra vụ án hình sự. (xem giáo trình trang 253 đến 264; Điều 110, Điều 111 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- Các cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra VAHS, gồm: Cơ quan cảnh sát điều tra; Cơ quan an ninh điều tra; Cơ quan điều tra hình sự trong quân đội; Cơ quan an ninh điều tra trong quân đội; Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát Tối cao và một số cơ quan

khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Lưu ý mỗi loại cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra loại tội gì, quy định tại chương nào của Bộ luật Hình sự.

- Thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ(xem khoản 4 Điều 110 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

* Nhiệm vụ và quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát điều tra. (xem giáo trình trang 264 đến 268; Điều 112, Điều 113 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

* Các loại thời hạn trong giai đoạn điều tra: Thời hạn điều tra(Điều 119 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Thời hạn phục hồi điều tra; thời hạn điều tra bổ sung; thời hạn điều tra lại (Điều 121 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Thời hạn tạm giam để điều tra (Điều 120 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

* Chuyên vụ án để điều tra theo thẩm quyền (Xem Điều 116 Bộ luật Tố tụng Hình sự): Khi tiến hành điều tra, nếu thấy vụ án không đúng thẩm quyền điều tra của mình thì cơ quan điều tra phải đề nghị viện kiểm sát cùng cấp ra quyết định chuyển vụ án cho cơ quan điều tra có thẩm quyền.

* Nhập hoặc tách vụ án hình sự để điều tra, ủy thác điều tra. (xem giáo trình trang 271 đến 273; Điều 117, 118 Bộ luật Tố tụng Hình sự) Nội dung này cần lưu ý các vấn đề sau: Nhập hoặc tách vụ án hình sự để điều tra là gì; các trường hợp nào và điều kiện nào có thể nhập hoặc tách vụ án hình sự để điều tra. Ủy thác điều tra là gì; các trường hợp có thể ủy thác điều tra; việc ủy thác điều tra trong nước, ủy thác với nước ngoài

* Sự tham dự của người chứng kiến (xem giáo trình trang 279; Điều 123 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Lưu ý các vấn đề: những hoạt động điều tra nào phải có người chứng kiến; người chứng kiến là ai; có trách nhiệm gì

* Giữ bí mật điều tra (xem giáo trình trang 279, 280; Điều 124 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Kiểm sát viên, điều tra viên là người có thẩm quyền quyết định các trường hợp nào phải giữ bí mật nội dung và kết quả điều tra; vấn đề thông báo giữ bí mật điều tra; trách nhiệm của KSV, điều tra viên, người tham gia tố tụng trong việc giữ bí mật điều tra

* Các hoạt động điều tra (xem giáo trình trang 281 đến 302).

- Khởi tố bị can (Điều 126, 127, 128 Bộ luật Tố tụng Hình sự); Hỏi cung bị can (Điều 129, 130, 131 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- Lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Điều 133, 134, 135 136,137Bộ luật Tố tụng Hình sự): lưu ý các vấn đề về triệu tập, dẫn giải, lấy lời khai người làm chứng và

biên bản ghi lời khai của các người tham gia tố tụng nói trên. Đối chất, nhận dạng (Điều 138, 139 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- Khám xét (Điều 140, 141, 142, 143 Bộ luật Tố tụng Hình sự) lưu ý các vấn đề về căn cứ khám xét; thẩm quyền khám xét; thủ tục khám người; khám chỗ ở, chỗ làm việc và địa điểm

- Thu giữ điện thư tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện (Điều 144 Bộ luật Tố tụng Hình sự); kê biên tài sản (Điều 146 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- Khám nghiệm hiện trường (Điều 150 Bộ luật Tố tụng Hình sự); Khám nghiệm tử thi; xem xét dấu vết trên thân thể (Điều 151, 152 Bộ luật Tố tụng Hình sự); thực nghiệm điều tra (Điều 153 Bộ luật Tố tụng Hình sự); giám định (Điều 155, 159 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

* Tạm đình chỉ điều tra và kết thúc điều tra

- Tạm đình chỉ điều tra là tạm ngưng việc tiến hành điều tra đối với một hoặc nhiều bị can trong một thời gian nhất định khi có những căn cứ mà Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định (xem Điều 160 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- Kết thúc điều tra: Khi cơ quan điều tra xác định được các tình tiết của vụ án thì ra bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố hoặc ra bản kết luận điều tra và đình chỉ điều tra. Đề nghị truy tố (xem Điều 162, 163 Bộ luật Tố tụng Hình sự); đình chỉ điều tra (xem Điều 164 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

Chương 8. Quyết định truy tố

* Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của truy tố (giáo trình trang 311, 312)

* Những hoạt động và những quyết định tố tụng của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố (giáo trình trang 313, 312)

- *Những hoạt động của Viện Kiểm sát trong giai đoạn truy tố*: Tiếp nhận hồ sơ vụ án; Nghiên cứu hồ sơ vụ án (lưu ý: thời hạn nghiên cứu hồ sơ và các vấn đề cần xác định khi nghiên cứu hồ sơ vụ án); yêu cầu cơ quan điều tra truy nã

- *Những quyết định tố tụng của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố*

+ Quyết định chuyển vụ án

+ Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn (Khoản 2 Điều 166 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

+ Quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung (Điều 168 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- + Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án (Điều 169 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
 - + Quyết định truy tố bị can (bản cáo trạng) (Điều 167 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Những việc cần làm sau khi có bản cáo trạng (Giáo trình trang 322)*

Chương 9. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

* Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của xét xử sơ thẩm vụ án hình sự (Giáo trình trang 324, 325)

* Thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự (Giáo trình 326 đến 334)

Thẩm quyền xét xử theo việc (Điều 170 Bộ luật Tố tụng Hình sự); thẩm quyền xét xử theo đối tượng; thẩm quyền xét xử theo lãnh thổ (Điều 171, 172 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

* Chuẩn bị xét xử (Giáo trình 336 đến 346)

- *Thời hạn chuẩn bị xét xử:* Đối với tội ít nghiêm trọng không quá 30 ngày; tội nghiêm trọng không quá 45 ngày; tội rất nghiêm trọng không quá 2 tháng; tội đặc biệt nghiêm trọng không quá 3 tháng. Kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án. Trong thời hạn trên, thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải ra một trong các quyết định sau: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, quyết định đình chỉ hay tạm đình chỉ vụ án. Có thể gia hạn: 15 ngày đối với tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng; 30 ngày đối với tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng

- *Các quyết định có thể ban hành trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:*

Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung (Điều 179 Bộ luật Tố tụng Hình sự); Quyết định đình chỉ hay tạm đình chỉ vụ án (Điều 180 Bộ luật Tố tụng Hình sự); quyết định đưa vụ án ra xét xử (Điều 178 Bộ luật Tố tụng Hình sự); áp dụng, thay đổi, hủy bỏ BPNC

* Những quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm (Xem giáo trình trang 346 đến 358)

- *Xét xử trực tiếp bằng lời nói và liên tục* (Điều 184 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Thành phần Hội đồng xét xử:* (Điều 185 Bộ luật Tố tụng Hình sự) 1 thẩm phán và 2 hội thẩm; trong trường hợp nào thì HDXX gồm 2 thẩm phán và 3 hội thẩm

- *Sự có mặt của những người tham gia phiên tòa và việc xử lý khi họ vắng mặt* (Điều 187, 189, 190, 191, 192, 193, 194 Bộ luật Tố tụng Hình sự): Bị cáo, Kiểm sát viên, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người giám định

- *Giới hạn xét xử* (Điều 196 Bộ luật Tố tụng Hình sự): Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện Kiểm sát đã truy tố và tòa án đã quyết định đưa ra xét xử. Tòa án có thể xét xử bị cáo khoản khác với khoản mà Viện Kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hay về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện Kiểm sát đã truy tố

- *Việc rút quyết định truy tố của Viện Kiểm sát* (giáo trình 356 đến 358): Viện kiểm sát rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa sau khi xét hỏi thì cách giải quyết của HDXX như thế nào

* Trình tự xét xử tại phiên tòa sơ thẩm (Giáo trình 358 đến 368)

- Thủ tục bắt đầu phiên tòa
- Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa (Điều 206 đến Điều 216 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Tranh luận tại phiên tòa (Điều 217 đến Điều 221 Bộ luật Tố tụng Hình sự)
- Nghị án và tuyên án (Điều 222 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

Chương 10. Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự

* Khái niệm, nhiệm vụ ý nghĩa của xét xử phúc thẩm vụ án hình sự (Giáo trình 372 đến 374)

- *Khái niệm xét xử phúc thẩm* (Điều 230 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Từ quy định của Điều 230 phân tích các đặc điểm của xét xử phúc thẩm

- *Ý nghĩa*. Phân tích theo các ý sau: Xét xử phúc thẩm là sự thể hiện cụ thể của việc thực hiện chế độ hai cấp xét xử; đảm bảo cho bản án quyết định sơ thẩm được kiểm tra lại; góp phần bảo đảm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân

* Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự (Giáo trình 375 đến 386)

- *Chủ thể có quyền kháng cáo, kháng nghị và phạm vi kháng cáo, kháng nghị* (Điều 231, 232 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Thời hạn và thủ tục kháng cáo, kháng nghị* (Điều 234, 236 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Bổ sung, thay đổi, rút kháng cáo kháng nghị* (Điều 238 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- Xem Mục I Nghị quyết 05/2005/NQ-HĐTP ngày 8/12/2005

* Thủ tục phúc thẩm (Giáo trình 387 đến 394). Phạm vi xét xử phúc thẩm (Điều 241 Bộ luật Tố tụng Hình sự); thời hạn xét xử phúc thẩm (Điều 242 Bộ luật Tố tụng Hình sự); việc áp dụng, thay đổi hay hủy bỏ biện pháp ngăn chặn (Điều 243 Bộ luật Tố tụng Hình sự); bổ sung, xem xét chứng cứ tại phiên tòa cấp phúc thẩm (Điều 246 Bộ luật Tố tụng Hình sự); thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia phiên tòa (Điều 244, 245 Bộ luật Tố tụng Hình sự); Thủ tục phiên tòa phúc thẩm (Điều 247 Bộ luật Tố tụng Hình sự);

* Quyền hạn của tòa án cấp phúc thẩm (Giáo trình 394 đến 400): Quyền không chấp nhận kháng cáo kháng nghị; quyền sửa án sơ thẩm (Điều 249 Bộ luật Tố tụng Hình sự); quyền hủy án sơ thẩm để điều tra hoặc xét xử lại (Điều 250 Bộ luật Tố tụng Hình sự); quyền hủy án sơ thẩm và đình chỉ vụ án (Điều 251 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

* Phúc thẩm quyết định sơ thẩm (Giáo trình 400, 401)

Chương 11. Xét lại bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án

* Thủ tục giám đốc thẩm (Giáo trình 403 đến 412; Chương 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự) :

- *Tính chất giám đốc thẩm* (Điều 272 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Kháng nghị giám đốc thẩm*: Căn cứ kháng nghị, thẩm quyền kháng nghị và thời hạn kháng nghị (Điều 273, 275, 278 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Xét xử giám đốc thẩm*: Thẩm quyền xét xử (Điều 279 Bộ luật Tố tụng Hình sự); những người tham gia phiên tòa giám đốc thẩm (Điều 280 Bộ luật Tố tụng Hình sự); thành phần hội đồng giám đốc thẩm (Điều 281 Bộ luật Tố tụng Hình sự); thời hạn giám đốc thẩm (Điều 283 Bộ luật Tố tụng Hình sự); phạm vi xét xử giám đốc thẩm (Điều 284 Bộ luật Tố tụng Hình sự); thẩm quyền của hội đồng giám đốc thẩm (Điều 285 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

* Thủ tục tái thẩm (Giáo trình 413 đến 417; Chương 31 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Tính chất tái thẩm* (Điều 290 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Kháng nghị tái thẩm*: Căn cứ kháng nghị, thẩm quyền kháng nghị và thời hạn kháng nghị (Điều 291, 293, 295 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

- *Xét xử tái thẩm*: Thẩm quyền tái thẩm (Điều 296 Bộ luật Tố tụng Hình sự); thẩm quyền của hội đồng tái thẩm (Điều 298 Bộ luật Tố tụng Hình sự). Thành phần hội đồng tái thẩm; những người tham gia phiên tòa tái thẩm; thời hạn tái thẩm như quy định của giám đốc thẩm tại các Điều 280, 281, 283 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

Chương 12. Thủ tục tố tụng đặc biệt

* Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội (Giáo trình 420 đến 428; Chương 32 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

Người tiến hành tố tụng (Điều 302 Bộ luật Tố tụng Hình sự); đối tượng chứng minh (Điều 63 Bộ luật Tố tụng Hình sự); thủ tục bắt, tạm giữ, tạm giam (Điều 303 Bộ luật Tố tụng Hình sự); vấn đề bào chữa (Điều 305 Bộ luật Tố tụng Hình sự); vấn đề xét xử (Điều 307 Bộ luật Tố tụng Hình sự); chấp hành hình phạt tù (Điều 308 Bộ luật Tố tụng Hình sự)

* Thủ tục rút gọn (Giáo trình 429 đến 440; Chương 34 Bộ luật Tố tụng Hình sự):

- khái niệm và mục đích của thủ tục rút gọn
- phạm vi, điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn (Điều 318, 319 Bộ luật Tố tụng Hình sự);
- quyết định áp dụng thủ tục rút gọn; tạm giữ, tạm giam, điều tra, truy tố, xét xử trong thủ tục rút gọn (Điều 320, 321, 322, 233, 324 Bộ luật Tố tụng Hình sự);

III. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA

Kết cấu của đề bao gồm ba phần: nhận định đúng sai và giải thích ngắn gọn, phân lý thuyết, bài tập tình huống

* Phần nhận định đúng sai và giải thích ngắn gọn (4 điểm)

- Gồm 4 câu, nội dung của các câu

Chương 1: 2 câu

Chương 2: 4 câu

Chương 3: 4 câu

Chương 4: 4 câu

Chương 5: 1 câu

Chương 7: 2 câu

Các nội dung không nằm trong trọng tâm: 3 câu

- Phần tự luận có 2 bài tập, mỗi bài 2,5 điểm được phân phối như sau:

Bài 1 bao hàm các kiến thức từ chương 2 đến chương 4, trong đó phần tính toán và định khoản 2 điểm, phần nhận định 0,5 điểm.

Bài 2 bao hàm kiến thức ở chương 7, trong đó phần tính toán và định khoản 2 điểm, phần nhận định 0,5 điểm.

b/ Hướng dẫn cách làm bài phần trắc nghiệm

- Chọn câu trả lời đúng nhất và điền vào bảng trả lời. Có thể đánh trước trên đề và điền vào sau, nhưng phải dành thời gian cho việc này vì **KHÔNG ĐÁNH VÀO BẢNG SẼ KHÔNG ĐƯỢC TÍNH ĐIỂM.**

- Chọn câu dễ làm trước.

c/ Hướng dẫn làm bài phần tự luận

- Trước hết phải tìm yêu cầu của bài, gạch dưới và đọc thật kỹ để làm đúng và vừa đủ theo yêu cầu của bài. Làm thừa so với yêu cầu sẽ không được tính điểm, mất thời gian vô ích.

- Không cần làm bài theo thứ tự. Câu dễ làm trước.

- Các yêu cầu tính toán cần làm cẩn thận ở ngoài và chép vào theo một thứ tự để tránh bỏ sót.

- Chú ý đơn vị tiền tệ thống nhất để tránh nhầm lẫn, chọn một đơn vị phù hợp tùy theo số tiền (ví dụ nếu tất cả đều lớn 1 triệu, dùng đơn vị là triệu).

- Định khoản phải theo đúng nguyên tắc Nợ trước Có sau, không dùng Nhiều Nợ-Nhiều Có. Luôn phải có số tiền cho mỗi dòng, không được viết gộp dù số tiền hai dòng là giống nhau.

- Phần nhận xét viết ngắn gọn và trình bày theo hiểu biết của mình. Không chép từ sách vào, nếu chép sẽ không được tính điểm.

- Chép bài người khác sẽ không được tính điểm.

IV. ĐỀ THI MẪU VÀ ĐÁP ÁN

Đề thi mẫu (Thời gian làm bài: 90 phút, được sử dụng tài liệu):

ĐỀ THI MÔN LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Câu 1. Những nhận định sau đây là đúng hay sai, tại sao? (4 điểm)

- a. Trong một số trường hợp nhất định người bị hại có quyền khởi tố vụ án hình sự.
- b. Các hoạt động điều tra chỉ được tiến hành sau khi có quyết định khởi tố vụ án.

- c. Tại phiên tòa phúc thẩm nếu toàn bộ kháng cáo, kháng nghị bị rút thì vụ án được đình chỉ.
- d. Tòa án có quyền hủy bỏ biện pháp tạm giam do Viện kiểm sát áp dụng.

Câu số 2: (3 điểm)

- a. Tòa án giải quyết như thế nào, nếu:
- b. Phát hiện tội phạm, người phạm tội mới trước khi mở phiên tòa sơ thẩm.
- c. Phát hiện tội phạm, người phạm tội mới trong khi xét xử.

Câu 3. (3 điểm)

Nêu hướng giải quyết và quyết định của Viện Kiểm sát đưa ra, khi nghiên cứu hồ sơ vụ án mà thuộc các tình huống sau:

- a. Xác định được bị can còn phạm một tội khác.
- b. Bị can bị bệnh tâm thần.

- Hết -

Đáp án mẫu:

ĐÁP ÁN ĐỀ THI MÔN LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Nội dung đáp án

Câu 1. (4 điểm)

Vấn đề	Yêu cầu	Điểm
a	Sai. Chỉ có quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo quy định tại Điều 105 Bộ luật Tố tụng Hình sự	1
a	Nhận định sai, một số biện pháp điều tra có thể tiến hành trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự. Điều 150 Bộ luật Hình sự khám nghiệm hiện trường có thể tiến hành trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự	1
c	Nhận định đúng, k2 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Hình sự	1
d	Nhận định sai, đoạn 2, khoản 3, Điều 94 Bộ luật Tố tụng Hình sự: đối với những biện pháp ngăn chặn do Viện Kiểm sát phê chuẩn thì việc hủy bỏ hoặc thay thế do Viện Kiểm sát quyết định	1

Câu 2 (3 điểm)

Vấn đề	Yêu cầu	Điểm
a	Tòa án có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định tại k1 Điều 179 Bộ luật Tố tụng Hình sự	1.5
b	Tòa án có quyền khởi tố hoặc yêu cầu Viện Kiểm sát khởi tố vụ án hình sự theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng Hình sự	1.5

Câu 3. (3 điểm)

Vấn đề	Yêu cầu	Điểm
a	Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định tại k2 Điều 168 Bộ luật Tố tụng Hình sự	1.5
b	Viện kiểm sát ra quyết định tạm đình chỉ vụ án theo quy định tại khoản 2, Điều 169 Bộ luật Tố tụng Hình sự	1.5